

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1059/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 19/11/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Châu Thị Diệp**
2/ Ông **Nguyễn Văn Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trọng Long** – Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05/7/2018 về việc “Ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 254/2018/HNGĐ-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4814/2019/QĐ-PT ngày 11/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9073/2019/QĐ-PT ngày 31/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị H1**, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 1130/1/47 đường L, tổ 10, ấp 4, xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh T1** – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV V thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Bá H2**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 01 Bis đường Y, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Trần Ngọc T2** – Luật sư của Công ty Luật TNHH G thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Bá H2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Bà Võ Thị H1 và ông Nguyễn Bá H2 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2006. Sau khi kết hôn ông bà chỉ sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình đôi bên không còn hợp nhau, đến khi ông bà có con chung thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do việc sống chung không còn hạnh phúc nên bà H1 xin ly hôn.

Phía ông Hiếu thống nhất lời trình bày của bà H1 về thời gian ông bà chung sống và đăng ký kết hôn. Nay ông nhận thấy khả năng đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không còn nên trước việc bà H1 xin ly hôn, ông H2 đồng ý.

Về con chung: Bà H1 và ông H2 xác định trong thời gian chung sống ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 06/8/2009. Sau khi ly hôn bà H1 và ông H2 đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, ông bà cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh về khả năng tài chính và điều kiện chăm sóc con chung. Phía ông H2 cho rằng bà H1 từng có tiền sử bệnh trầm cảm nên không đủ sức khỏe để nuôi dạy con tốt và yêu cầu Tòa án thu thập hồ sơ khám, chữa bệnh tại các bệnh viện mà bà H1 từng điều trị. Về phía bà H1 trình bày, trước khi kết hôn với ông H2 bà từng bị tai nạn, bên cạnh đó do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên căng thẳng nên bà bị bệnh trầm cảm, tuy nhiên hiện nay sức khỏe của bà đã bình phục nên đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 254/2018/HNGĐ-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân quận M đã tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị H1 được ly hôn ông Nguyễn Bá H2.

Quan hệ hôn nhân giữa bà H1 và ông H2 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, khi đó Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2006 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 06/8/2009. Giao trẻ Nguyễn Ngọc Q cho bà Võ Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H1 về việc không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng ông H2 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà H1.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: bà H1 và ông H2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/6/2018, ông Nguyễn Bá H2 có đơn kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 254/2018/HNGĐ-ST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân quận M về con chung. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Nguyễn Ngọc Q để đảm bảo đầy đủ các quyền lợi tốt nhất cho con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Võ Thị H1 không chấp nhận kháng cáo của ông H2, yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm về phần giải quyết việc nuôi con chung. Từ khi hai bên ly thân và từ khi Tòa án nhân dân Quận M xét xử đến nay, bà là người trực tiếp chăm sóc con. Người con được đi học phát triển bình thường, bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con là đảm bảo quyền lợi cho con được sống ổn định và được nuôi dạy tốt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Việc giao con cho ai nuôi là để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Án sơ thẩm tuyên giao con chung cho bà H1 nuôi là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của trẻ. Vì từ khi vợ chồng sống ly thân trẻ được sống trực tiếp bên mẹ, được đi học đạt học sinh giỏi, trẻ phát triển bình thường. Về thu nhập cả hai bên đều đảm bảo nuôi con, ông H2 cho rằng bà H1 bán hàng đa cấp, ở khu vực Nhà Bè không nuôi con tốt là không có căn cứ. Về tình trạng bệnh của bà H1 đã có kết quả giám định pháp y tâm thần là bà H1 không bị bệnh tâm thần. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên việc nuôi con như án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Bá H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc giải quyết nuôi con chung. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì so với bà H1 ông có đủ điều kiện đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con hơn. Mặc khác, bà H1 có tiền sử bị bệnh tâm thần không đủ sức khỏe để chăm sóc con. Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 556/KL-VPYTW ngày 07/10/2019, Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa đã kết luận tình trạng sức khỏe của bà H1: Đang sự không mắc bệnh tâm thần, đang sự có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Ông không đồng ý với kết quả giám định này vì có sự khác nhau với kết quả giám định tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 3874/2018/KLGĐTC ngày 14/9/2018; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Nếu được nuôi con ông không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Mặc dù bà H1 bị bệnh nhưng hai bên vẫn tìm hiểu yêu thương và quyết định kết hôn. Khi bà H1 tham gia bán hàng đa cấp không có nhiều thời gian chăm sóc gia đình nên vợ chồng bất hòa, phát sinh mâu thuẫn. Tháng 7/2014, bà H1 đưa con ra ngoài ở riêng. Mâu thuẫn kéo dài bà H1 nộp đơn ly hôn. Tòa án nhân dân Quận M xét xử giao người con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi. Ông H2 không đồng ý án sơ thẩm có đơn kháng cáo. Với 02 kết quả giám định pháp y tâm thần có khác nhau, ông H2 có yêu cầu giám định lại và yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để giám định lại. Nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận giám định lại thì lấy kết quả giám định lần đầu, sửa một phần án sơ thẩm giao người con chung cho ông H2 nuôi dưỡng. Ông H2 có điều kiện về nơi ở là trung tâm Thành phố (Quận M), có thu nhập cao nên chăm sóc con tốt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

Về nội dung: Bà H1 và ông H2 có 01 người con Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 06/8/2009. Án sơ thẩm giao con cho bà H1 nuôi dưỡng, bà H1 không yêu cầu cấp dưỡng. Ông H2 kháng cáo không đồng ý giao con cho bà H1 nuôi với lý do công việc bà H1 bán hàng đa cấp, không có thời gian chăm sóc con, nơi ở xa xôi không phải trung tâm thành phố, bà H1 bị bệnh tâm thần. Xét kháng cáo của ông H2 nhận thấy: trong thời gian từ năm 2004 – 2012 bà H1 từng điều trị bệnh rối loạn lo âu nhưng hiện nay sức khỏe đã ổn định. Về thu nhập bà H1 có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con; bà H1 không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con. Kết quả xác minh tại nơi cư trú bà H1 và gia đình không có vấn đề gì cần lưu ý. Bản tự khai của người con chọn sống với mẹ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm

giao con cho bà H1 nuôi là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá H2 làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Trần Ngọc T2 đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu giám định lại kết quả giám định của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa – Bộ Y tế. Căn cứ khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu của Luật sư không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Bá H2 về người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về con chung: Lời khai ông H2, bà H1 cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân đôi bên có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Q (giới tính nữ), sinh ngày 06/8/2009. Án sơ thẩm tuyên xử giao người con chung cho bà H1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H1 tự nguyện không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm ý kiến ông H2 không đồng ý giao con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu bà H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do ông có điều kiện, khả năng kinh tế đảm bảo việc nuôi con. Ngoài ra, ông H2 còn cho rằng bà H1 có tiền sử bị bệnh tâm thần không đủ sức khỏe chăm sóc và giáo dục con tốt. Ông có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 3874/2018/KLGĐTC ngày 14/9/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh đối với bà Võ Thị H1 kết luận: Về y học: đương sự bị rối loạn hưng cảm thực tồn. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: đương sự đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng kiểm soát cảm xúc và điều khiển hành vi. Không đồng ý với kết quả giám định này, bà Võ Thị H1 có yêu cầu giám định lại. Kết luận giám định pháp y tâm thần số 556/KL-VPYTW ngày 07/10/2019 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận: bà H1 không mắc bệnh tâm thần, có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Xét thấy, nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của ông H2 và bà H1 đều xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con. Nhưng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho người con được phát triển toàn diện về tinh thần lẫn thể chất và được sống ổn định, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Án sơ thẩm nhận định về khả năng tài chính và thời gian để chăm sóc con của bà H1 và ông H2 đều đảm bảo. Mặc dù trong thời gian từ năm 2004 đến năm 2012 bà H1 từng điều trị bệnh lý liên quan đến việc rối loạn lo âu. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình sức khỏe hiện tại của bà H1 có đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dạy con. Căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương nơi bà H1 và người con đang sinh sống thì hiện tại người con đang sống ổn định bên mẹ, được bà H1 chăm sóc tốt và tại bản tự khai ngày 21/9/2016, người con chung Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 06/8/2009 có nguyện vọng chọn sống với bà H1. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao người con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H2 cho rằng công việc của bà H1 ít có thời gian rảnh rỗi, thu nhập không ổn định, bà H1 có tiền sử bị bệnh tâm thần không đủ sức khỏe chăm sóc con và yêu cầu Tòa án trung cầu giám định pháp y tâm thần. Đối với các lý do và chứng cứ ông H2 nêu ra về thời gian chăm sóc con và khả năng tài chính đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Ông H2 không xuất trình được thêm chứng cứ nào cho thấy bà H1 không đảm bảo được thời gian chăm sóc hay không có đủ khả năng tài chính để nuôi dưỡng con. Về lý do bà H1 có tiền sử bị bệnh tâm thần không đủ sức khỏe chăm sóc con thì căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần số 556/KL-VPYTW ngày 07/10/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa – Bộ Y tế kết luận giám định đối với bà Võ Thị H1: Đang sự không mắc bệnh tâm thần, có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Với kết quả giám định nêu trên, ông H2 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông H2 cho rằng bà H1 không đủ sức khỏe chăm sóc con là không có cơ sở chấp nhận.

Xét, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị giao người con chung cho bà H1 trực tiếp nuôi là để đảm bảo sự ổn định của con. Hiện tại người con chung đang ở với mẹ, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đảm bảo quyền lợi của con nên có căn cứ chấp nhận.

Xét, án sơ thẩm đã cân nhắc xem xét toàn diện căn cứ theo quy định pháp luật. Do vậy cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc trực tiếp nuôi con của ông H2 nên giữ nguyên quyết định về phần con chung của cấp sơ thẩm. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà H1 tự nguyện không yêu cầu; Hội đồng xét xử ghi nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Bá H2; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên xử:

1. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 06/8/2009. Giao trẻ Nguyễn Ngọc Q cho bà Võ Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H1 về việc không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng ông H2 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà H1.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Võ Thị H1 phải chịu, cản trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H1 đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0022004 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H1 đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Bá H2 phải chịu, cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông H2 đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0023084 ngày 04/6/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H2 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân quận Quận M, TP HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, TP HCM;
- Ủy ban nhân dân phường K, Quận M, TP HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

